

Số: /BGDĐT-GDĐH
V/v đề nghị thẩm định hồ sơ chính sách
Luật Giáo dục đại học (sửa đổi)

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện Nghị quyết số 77/2025/UBTVQH15¹, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã triển khai xây dựng Luật Giáo dục đại học (sửa đổi) theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025 (Luật số 64/2025/QH15).

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã thực hiện quy trình: Xác định chính sách của dự án Luật Giáo dục đại học (sửa đổi); Đánh giá tác động của chính sách; Tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách, xin ý kiến bằng văn bản các cơ sở giáo dục đại học, các chuyên gia; Tổ chức tọa đàm, hội nghị tham vấn Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội, bộ, cơ quan ngang bộ đối với chính sách của Luật Giáo dục đại học (sửa đổi); Nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, tham vấn chính sách.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Giáo dục và Đào tạo gửi Quý Bộ hồ sơ chính sách Luật Giáo dục đại học (sửa đổi) để thẩm định trước khi trình Chính phủ thông qua.

Hồ sơ thẩm định gửi kèm theo gồm: (1) Dự thảo Tờ trình; (2) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; (3) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách; (4) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến chính sách; (5) Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách; (6) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, tham vấn.

Để đảm bảo thời hạn trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội vào Phiên họp tháng 8/2025 và trình Quốc hội cho ý kiến vào kỳ họp thứ 10 (tháng 10/2025), Bộ Giáo dục và Đào tạo trân trọng đề nghị Bộ Tư pháp quan tâm và sớm triển khai thẩm định chính sách của Luật Giáo dục đại học (sửa đổi).

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý Bộ. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế (để thực hiện);
- Lưu: VT, GDĐH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Hoàng Minh Sơn

¹ Nghị quyết số 77/2025/UBTVQH15 ngày 21/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh Chương trình lập pháp năm 2025.

Số: /TTr-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Chính sách của Dự án Luật Giáo dục đại học (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hội nhập quốc tế”; Nghị quyết số 77/2025/UBTVQH15 ngày 21/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh Chương trình lập pháp năm 2025, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đã xây dựng chính sách của dự án Luật Giáo dục đại học (sửa đổi) và kính trình Chính phủ như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH**1. Cơ sở chính trị, pháp lý****a) Cơ sở chính trị**

(1) Giáo dục và đào tạo luôn được Đảng, Nhà nước ta coi là quốc sách hàng đầu và đã có nhiều chủ trương, chính sách đổi mới được đưa ra để hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, phát triển toàn diện người học; trong đó, giáo dục đại học (GDĐH) đóng vai trò then chốt đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước bứt phá trong giai đoạn mới. Nghị quyết Đại hội lần thứ XII và XIII của Đảng đã xác định phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong ba đột phá chiến lược để phát triển đất nước. Đại hội XIII của Đảng, nội dung về phát triển giáo dục và đào tạo đã được lồng ghép trong nhiều Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận về các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh của các vùng; về xây dựng và phát triển một số tỉnh, thành phố để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai. Tựu chung, các quan điểm, chủ trương của Đảng thời gian qua về đổi mới, phát triển giáo dục và đào tạo gồm các nội dung chính như sau:

(i) Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

(ii) Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo (từ chương trình, nội dung, tài liệu, phương pháp dạy - học đến đánh giá kết quả học tập ở tất cả các cấp học, trình độ đào tạo), chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học.

(iii) Đổi mới, hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học, trình độ và giữa các phương thức đào tạo; thúc đẩy có trọng tâm phân luồng sau trung học cơ sở, định hướng nghề nghiệp ở trung học phổ thông. Quy hoạch lại mạng lưới cơ sở GDĐH gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực.

(iv) Đổi mới công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất. Các cơ quan quản lý giáo dục, đào tạo tham gia quyết định về quản lý nhân sự, tài chính cùng với quản lý thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Giao quyền tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục, đào tạo; phát huy vai trò của hội đồng trường.

(v) Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là đột phá chiến lược để phát triển đất nước nhanh và bền vững. Phát triển, hiện đại hóa GDĐH; đẩy mạnh tự chủ đại học, tăng cường kiểm định theo chuẩn quốc tế.

(vi) Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục bảo đảm đủ về số lượng và nâng cao về chất lượng. Ưu tiên đầu tư xây dựng một số trường sư phạm, trường sư phạm kỹ thuật trọng điểm; khắc phục tình trạng phân tán trong hệ thống các cơ sở đào tạo nhà giáo. Có cơ chế tuyển sinh và cử tuyển riêng để tuyển chọn được những người có phẩm chất, năng lực phù hợp vào ngành sư phạm. Lương của nhà giáo được ưu tiên xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp và có thêm phụ cấp tùy theo tính chất công việc, theo vùng.

(vii) Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo; ngân sách nhà nước chi cho giáo dục và đào tạo tối thiểu ở mức 20% tổng chi ngân sách. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục; phát triển hài hòa, hỗ trợ giữa giáo dục công lập và ngoài công lập, giữa các vùng, miền, tiến tới bình đẳng về quyền được nhận hỗ trợ của nhà nước đối với người học ở trường công lập và trường ngoài công lập.

(viii) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý; đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ và trang bị kiến thức, kỹ năng về khoa học - công nghệ; phát triển các phương thức đào tạo mở, nền tảng dạy và học trực tuyến mở, học liệu mở trực tuyến, khuyến khích phát triển các mô hình GDĐH số.

(ix) Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo. Tăng quy mô đào tạo ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước đối với giảng viên các ngành khoa học cơ bản và khoa học mũi nhọn, đặc thù; mở rộng liên kết đào tạo với những cơ sở đào tạo nước ngoài có uy tín; khuyến khích các tổ chức quốc tế, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ ở Việt Nam.

(x) Bảo đảm cơ hội tiếp cận công bằng trong giáo dục, giáo dục có chất lượng, thu hẹp dần khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, các trường, các nhóm dân cư trong tiếp cận giáo dục. Nhà nước ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo đối với các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa và các đối tượng chính sách.

(2) Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025 đã đề ra: *“Nghiên cứu định hướng tiếp tục sắp xếp bỏ cấp hành chính trung gian (cấp huyện); xây dựng phương án tiếp tục sắp xếp cấp xã phù hợp với mô hình tổ chức mới, đề xuất tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cấp xã; định hướng sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh; đề xuất chủ trương sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật, quy định của Đảng có liên quan”*.

(3) Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đặt ra mục tiêu, yêu cầu: *“Nghiên cứu định hướng sáp nhập một số đơn vị cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập một số đơn vị cấp xã, thực hiện mô hình địa phương 02 cấp (tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể) bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả”*.

(4) Kết luận số 130-KL/TW ngày 14/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

(5) Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị nhấn mạnh yêu cầu tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đặc biệt trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

(6) Báo cáo Chính trị của Đại hội XIII của Đảng cũng khẳng định: *“Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển con người”*. Đây là cơ sở để hệ thống GDĐH Việt Nam đặt mục tiêu đạt trình độ tiên tiến trong khu vực vào năm 2030.

(7) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã chỉ rõ: (i) Tăng cường đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; (ii) Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; (iii) Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo tài năng trên các lĩnh vực. Nghị quyết cũng yêu cầu: *“Tiếp tục thể chế hoá đầy đủ và thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về phát triển giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia”*.

(8) Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/1/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới, đã yêu cầu đẩy mạnh hội nhập toàn diện về văn hoá, xã hội, du lịch, môi trường, giáo dục - đào tạo, y tế và các lĩnh vực

khác; đẩy mạnh chuẩn hoá, đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục của các cơ sở đào tạo trong nước ngang tầm khu vực và quốc tế; triển khai các cơ chế phát triển nhân lực chất lượng cao, nâng cao kỹ năng học tập suốt đời, năng lực và năng suất của lực lượng lao động Việt Nam.

(9) Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Mục đích nhằm hiện thực hóa mục tiêu xây dựng hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, khả thi với cơ chế tổ chức thực hiện nghiêm minh, nhất quán, bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của các cơ quan sau sắp xếp tổ chức bộ máy, tháo gỡ vướng mắc phát sinh từ thực tiễn, mở đường cho kiến tạo phát triển, huy động mọi người dân và doanh nghiệp tham gia vào phát triển kinh tế - xã hội để đến năm 2030, Việt Nam là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045, Việt Nam trở thành nước phát triển, có thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

(10) Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân xác định *“Kinh tế tư nhân còn gặp nhiều khó khăn, trở ngại trong tiếp cận nguồn lực, đặc biệt là vốn, công nghệ, đất đai, tài nguyên và nhân lực chất lượng cao”*. Nghị quyết đã đề ra nhiệm vụ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho kinh tế tư nhân, bao gồm các chủ trương chính: (i) Tập trung phát triển mạng lưới cơ sở GDĐH và nghề nghiệp chất lượng cao, khuyến khích liên kết quốc tế; (ii) Thúc đẩy doanh nghiệp tham gia sâu vào quá trình đào tạo; (iii) Khuyến khích địa phương sử dụng nguồn lực để phát triển nhân lực; (iv) Đẩy mạnh giáo dục STEM, ngoại ngữ, kỹ năng số ở tất cả bậc học.

b) Cơ sở pháp lý

Điều 61 Hiến pháp năm 2013 là cơ sở pháp lý trực tiếp và quan trọng nhất đối với GDĐH nêu rõ: (i) Vai trò ưu tiên của giáo dục trong chính sách quốc gia; (ii) Nhà nước có trách nhiệm phát triển GDĐH như một phần cấu thành của hệ thống giáo dục quốc dân; (iii) Nhấn mạnh đến chuẩn hóa, hiện đại hóa và chính sách phát triển tài năng liên quan mật thiết đến mục tiêu và chức năng của GDĐH.

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (Luật số 64/2025/QH5) quy định về quy định xây dựng, thẩm định và thông qua chính sách trước khi soạn thảo Luật mới, trong đó yêu cầu việc đề xuất chính sách phải xác định cơ sở pháp lý, thực tiễn và chính trị, cụ thể: (i) Cơ quan trình có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy trình xây dựng chính sách trước khi soạn thảo Luật Giáo dục đại học (sửa đổi); (ii) Cơ quan lập đề xuất chính sách có trách nhiệm xác định chính sách trên cơ sở chủ trương, đường lối của Đảng; kết quả tổng kết thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội; bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; chủ trương phân quyền, phân cấp; vấn đề mới, xu hướng mới; yêu cầu quản lý nhà nước và khuyến khích sáng tạo, khơi thông mọi nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; cam kết trong điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Đây là cơ sở pháp lý bắt buộc khi đề xuất xây dựng dự án Luật Giáo dục đại học (sửa đổi).

2. Cơ sở thực tiễn

Luật Giáo dục đại học 2012 (Luật số 08/2012/QH13) ban hành năm 2012 và được sửa đổi, bổ sung năm 2018 (Luật số 34/2018/QH14) đã tạo hành lang pháp lý mở rộng quyền tự chủ cho cơ sở GDĐH từng bước nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng nhu cầu nhân lực của nền kinh tế, thúc đẩy cạnh tranh phát huy nguồn lực xã hội hóa giáo dục.

Tuy nhiên, sau hơn 13 năm thực hiện Luật số 08/2012/QH13 và 6 năm áp dụng Luật số 34/2018/QH14 bên cạnh những kết quả đạt được, thực tế triển khai thi hành Luật GDĐH cũng gặp một số khó khăn, vướng mắc trong đó có nguyên nhân từ nhận thức, năng lực tổ chức thực hiện và hạn chế trong khi Luật GDĐH có nhiều chính sách, quy định mới; hệ thống văn bản pháp luật liên quan tới hoạt động của các cơ sở GDĐH chưa được hoàn thiện đồng bộ, một số nội dung quy định tại Luật GDĐH còn bất cập, chưa phát huy hết vai trò thực hiện dân chủ của các tổ chức chính trị xã hội, chưa phù hợp với thực tiễn và không theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh mới của đất nước. Cụ thể:

a) Về đối tượng áp dụng: Luật GDĐH hiện hành không quy định đối tượng áp dụng đối với các trường đào tạo, bồi dưỡng thuộc các cơ quan nhà nước, lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, xã hội; không quy định những nội dung đặc thù cho một số cơ sở giáo dục chỉ đào tạo các trình độ sau đại học. Điều này gây khó khăn cho cả cơ quan quản lý nhà nước và hoạt động của các cơ sở giáo dục.

b) Về tổ chức và quản trị cơ sở GDĐH: Quy định về các đơn vị trực thuộc cơ sở GDĐH có tư cách pháp nhân gây khó khăn, phức tạp và rủi ro trong tổ chức và quản lý cơ sở GDĐH. Quy định về tổ chức đại học có trường đại học thành viên (mô hình 2 cấp) có nhiều bất cập, đặc biệt khi thực hiện cơ chế tự chủ. Hội đồng trường của một số cơ sở GDĐH hoạt động chưa hiệu quả, chưa thực hiện đúng, đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, hình thức. Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng trường trong Luật chưa được rõ nhưng không giao xây dựng văn bản hướng dẫn dưới Luật, gây ra cách hiểu và thực hiện khác nhau trong thực tế; sự chồng chéo giữa triển khai phương thức lãnh đạo, tổ chức quản trị, hoạt động điều hành trong cơ sở GDĐH. Quy định về tổ chức hội đồng trường tại các cơ sở GDĐH thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng là không phù hợp và không khả thi.

c) Về thực hiện tự chủ đại học: Các cơ sở GDĐH công lập thực tế gặp nhiều vướng mắc bởi các quy định của pháp luật về tổ chức, nhân sự, tài chính và tài sản đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Quy định về điều kiện tự chủ và các mức tự chủ theo khả năng bảo đảm tài chính đã dẫn đến nhiều hạn chế trong thực tiễn. Cách tiếp cận này gây bất bình đẳng giữa các cơ sở GDĐH, đồng thời, tạo áp lực tăng học phí, ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận của người học và làm giảm động lực cải tiến ở các cơ sở GDĐH chưa đủ tiềm lực tài chính, khiến tự chủ bị hạn chế về phạm vi và thiếu bền vững.

d) Về chính sách với đội ngũ giảng viên: Luật GDĐH với các văn bản luật khác chưa có sự nhất quán trong việc xác định các chức danh giảng viên. Luật

GDDH chưa định danh rõ các chức danh giảng viên, nhất là giáo sư, phó giáo sư làm căn cứ xây dựng các tiêu chuẩn, tiêu chí công nhận, bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm giáo sư nước ngoài tại các cơ sở GDDH Việt Nam còn nhiều vướng mắc liên quan đến quy trình, tiêu chuẩn, và chính sách thu hút nhân tài. Chính sách thu hút và đãi ngộ chưa đủ hấp dẫn để giữ chân người tài, thu hút chuyên gia giỏi; cơ chế đánh giá, phát triển giảng viên chưa gắn với hiệu quả giảng dạy và nghiên cứu thực tiễn.

đ) Về chính sách tài chính đại học: Chính sách phân bổ ngân sách đối với các cơ sở GDDH chưa bảo đảm nguyên tắc cạnh tranh, bình đẳng và minh bạch dựa trên chất lượng và hiệu quả hoạt động. Cơ chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo gặp nhiều vướng mắc, mới được triển khai ở phạm vi hẹp. Ngân sách nhà nước chỉ cho GDDH tính trên tỉ trọng GDP và ngân sách nhà nước chỉ cho giáo dục và đào tạo thấp nhiều lần so với các nước trong khu vực và thế giới, không đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, nhất là trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ trọng điểm, then chốt.

e) Về hoạt động đào tạo và nghiên cứu: Luật giao Bộ GDĐT ban hành nhiều văn bản quy định, hướng dẫn, có nội dung trùng lặp liên quan tới cấp phép hoạt động đào tạo, mở ngành, chuẩn cơ sở GDDH, chuẩn chương trình đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh, quy chế đào tạo. Luật chưa quy định chính sách về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, chưa quy định hay giao Chính phủ quy định về các lĩnh vực cần ưu tiên đầu tư và hỗ trợ từ ngân sách nhà nước. Triển khai các hoạt động khoa học, công nghệ trong các nhà trường còn chậm và vướng mắc những thủ tục hành chính. Các hoạt động liên kết đào tạo quốc tế có nhiều khoảng hở về quy định, dẫn đến rủi ro về uy tín và giá trị bằng cấp. Thiếu chính sách gắn kết nghiên cứu với đào tạo; quy mô đào tạo sau đại học, đặc biệt ở trình độ tiến sĩ, thấp rất nhiều so với các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, dẫn tới hạn chế năng lực nghiên cứu và phát triển của các cơ sở GDDH. Chưa có chính sách và quy định về hoạt động giáo dục trên không gian mạng.

g) Về chính sách bảo đảm chất lượng: Quy định về cơ chế kiểm định chất lượng GDDH không có sự thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước hoặc tổ chức độc lập làm giảm vai trò, hiệu lực quản lý nước; việc lựa chọn tổ chức kiểm định phải thực hiện theo cơ chế đấu thầu gây ra việc cạnh tranh kém lành mạnh, không phù hợp với đặc thù của công tác kiểm định. Quy định về bắt buộc kiểm định và đánh giá ngoài tất cả chương trình đào tạo gây quá tải và tốn kém cho các cơ sở GDDH. Năng lực của mạng lưới tổ chức kiểm định và đội ngũ kiểm định viên còn hạn chế. Yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo của đa số cơ sở GDDH gặp nhiều khó khăn do thiếu nguồn lực cho đầu tư, hỗ trợ phát triển đội ngũ giảng viên, hiện đại hóa cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu.

Trước những thách thức và yêu cầu mới, việc sửa đổi Luật GDDH là yêu cầu tất yếu nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho sự phát triển hệ thống GDDH. Việc sửa đổi hướng đến các mục tiêu: (i) cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; (ii) phát triển cơ sở giáo dục đại học thành trung tâm nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy kinh tế tri thức; (iii) đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy và quản lý; (iv)

tăng cường tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình; (v) tháo gỡ vướng mắc trong thi hành luật hiện hành; (vi) bảo đảm tính thống nhất với hệ thống pháp luật và phù hợp với bối cảnh hội nhập, chuyển đổi số sâu rộng; (vii) cắt giảm thủ tục hành chính; (viii) tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, hiệu quả đầu tư giáo dục đại học.

Trên cơ sở các căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn, cùng với kết quả tổng kết thi hành Luật GDĐH số 08/2012/QH13 và Luật số 34/2018/QH14, việc sửa đổi Luật GDĐH là cần thiết nhằm thể chế hóa đầy đủ các chủ trương lớn của Đảng và Chính phủ trong những năm gần đây. Đồng thời, Luật GDĐH (sửa đổi) sẽ tạo cơ sở pháp lý để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực thi Luật GDĐH hiện hành; khắc phục các hạn chế về chất lượng đào tạo, quản trị đại học, tự chủ, tài chính, chuyển đổi số và hợp tác quốc tế. Qua đó, góp phần hiện đại hóa GDĐH, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy phát triển bền vững và đưa giáo dục Việt Nam trở thành trung tâm tri thức và khoa học công nghệ trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

1. Mục đích

a) Thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện, hiện đại hóa và đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao; đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, hội nhập quốc tế; đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật và những nội dung liên quan khác về giáo dục và đào tạo.

b) Tháo gỡ các điểm nghẽn, bất cập trong quá trình thi hành Luật hiện hành; bổ sung hoàn thiện đầy đủ, đồng bộ và thống nhất hệ thống pháp luật về GDĐH nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, hoàn thiện mô hình quản trị đại học tiên tiến phù hợp với hệ thống chính trị, xã hội, văn hóa và con người Việt Nam.

c) Định vị các cơ sở GDĐH trong hệ thống tổ chức về khoa học và công nghệ, xác lập sứ mệnh và vai trò nòng cốt của hệ thống GDĐH trong phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực và năng suất của lực lượng lao động; định vị GDĐH Việt Nam trong hệ sinh thái tri thức toàn cầu.

d) Hoàn thiện, khơi thông chính sách nhằm giải phóng tiềm lực và sức mạnh sáng tạo của các cơ sở GDĐH, huy động hiệu quả mọi nguồn lực để hiện đại hóa, tạo bước phát triển bứt phá về quy mô, chất lượng và hiệu quả của hệ thống giáo dục đại học, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong bối cảnh mới.

2. Quan điểm

a) Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng, thể chế hóa đầy đủ, đúng đắn và kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo và các chủ trương, chính sách có liên quan tới tổ chức và hoạt động của các cơ sở GDĐH, phát triển GDĐH, nguồn nhân lực chất

lượng cao, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; bảo đảm sự phù hợp với Hiến pháp, đồng bộ trong hệ thống pháp luật và các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

b) Đổi mới tư duy về quản lý nhà nước và đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo theo hướng chuyển mạnh từ quản lý hành chính sang kiến tạo phát triển, quản trị hiện đại theo mục tiêu, chất lượng và hiệu quả; tăng cường phân cấp, phân quyền, tự chủ đại học, cắt giảm và đơn giản hóa thủ tục hành chính, kiến tạo môi trường minh bạch, thuận lợi, bình đẳng cho cả hệ thống GDĐH công lập và tư thục cùng cạnh tranh phát triển, hội nhập sâu rộng với hệ thống GDĐH trên thế giới.

c) Tuân thủ đầy đủ và chặt chẽ quy trình xây dựng chính sách theo quy định, nhất là trong tham vấn và đánh giá tác động chính sách. Bảo đảm tiếp cận toàn diện đồng thời có trọng tâm, trọng điểm; kế thừa và phát triển các chính sách, quy định đã được kiểm nghiệm trong thực tiễn; tập trung tháo gỡ các “điểm nghẽn”, loại bỏ quy định không còn phù hợp với thực tiễn; đưa vào các nội dung qua kiểm nghiệm thực tế đã cho thấy hiệu quả rõ, được đồng thuận cao, các giải pháp kỳ vọng tạo đột phá trên cơ sở tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Phạm vi

Các chính sách liên quan tới hoạt động GDĐH, tổ chức và hoạt động của các cơ sở GDĐH tại Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ sở GDĐH, cơ sở khác có hoạt động GDĐH, các tổ chức và cá nhân có liên quan tới GDĐH.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (Luật số 64/2025/QH15), Bộ GDĐT đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện quá trình xây dựng chính sách như sau:

1. Tổng kết đánh giá thi hành Luật GDĐH trên toàn quốc làm rõ những kết quả đạt được, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân trong quá trình thực thi. Kết quả tổng kết là cơ sở quan trọng để xác định yêu cầu, nội dung và phạm vi cần sửa đổi, bổ sung, bảo đảm tính phù hợp với thực tiễn, đồng bộ với hệ thống pháp luật và đáp ứng yêu cầu đổi mới GDĐH trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số.

2. Tổ chức rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật liên quan trong hệ thống pháp luật Việt Nam để cập nhật, bổ sung bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ giữa chính sách của Luật GDĐH (sửa đổi) với các luật khác. Đồng thời, tiến hành đánh giá tác động đối với các nhóm chính sách dự kiến bảo đảm quy trình xây dựng Luật GDĐH sửa đổi đúng quy định, có cơ sở lý luận và thực tiễn vững chắc.

3. Nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm quốc tế trong xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về GDDH tại một số quốc gia trong khu vực và những quốc gia có hệ thống GDDH phát triển như Đức, Hàn Quốc, Trung Quốc, Singapore,... và các khuyến nghị của các tổ chức UNESCO, OECD, góp phần định hướng cho việc xây dựng Luật GDDH (sửa đổi) bảo đảm tính khả thi, hiện đại và hội nhập.

4. Nghiên cứu xây dựng chính sách gắn với sự cần thiết phải sửa đổi Luật GDDH; xác định nhóm các chính sách được đề xuất, phân tích đánh giá tác động chính sách, tác động kinh tế - xã hội; đánh giá sự cần thiết của chính sách, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, tính hợp hiến, hợp pháp, tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan, trình tự và thủ tục hành chính sẽ cắt giảm, việc phân cấp, phân quyền, bình đẳng giới và khả năng thực thi của từng chính sách.

5. Tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp, xin ý kiến bằng văn bản các cơ sở giáo dục đại học, các chuyên gia; tổ chức tọa đàm, hội nghị tham vấn Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội, bộ, cơ quan ngang bộ đối với chính sách của Luật Giáo dục đại học (sửa đổi); Nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, tham vấn chính sách với sự tham gia của nhiều chuyên gia, nhà quản lý, cơ sở GDDH và các bên liên quan.

V. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, kiến tạo hệ thống quản trị đại học tiên tiến

a) Mục tiêu của chính sách

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về GDDH, xây dựng hệ thống quản trị đại học tiên tiến, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh mới.

- Thiết lập khuôn khổ pháp lý minh bạch, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, đặc biệt trong cơ sở GDDH công lập.

b) Nội dung của chính sách

Nội dung 1.1: Quản lý hiệu quả hoạt động GDDH, thống nhất và bao quát tất cả các bên tham gia, nhằm giải quyết các vấn đề: (i) Xác lập vị trí pháp lý của một số cơ sở giáo dục đang hoạt động như một cơ sở GDDH; (ii) Quản lý tốt hơn đồng thời tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các cơ sở giáo dục khác có tham gia hoạt động GDDH.

Nội dung 1.2: Tăng cường tự chủ, nâng cao năng lực quản trị của các cơ sở GDDH và hiệu lực quản lý nhà nước, nhằm giải quyết các vấn đề về (i) Thực hiện quyền tự chủ của các cơ sở GDDH; (ii) Hiệu quả hoạt động của mô hình đại học hai cấp (có trường thành viên, có đơn vị trực thuộc); (iii) Tổ chức, hoạt động của hội đồng trường ở một số cơ sở GDDH và thực hiện vai trò của cơ quan quản lý nhà nước.

Nội dung 1.3: Đổi mới phương thức quản lý nhà nước đối với hoạt động của các cơ sở GDDH, tối ưu hóa hoạt động của hệ thống giáo dục đại học, nhằm

giải quyết các vấn đề về: (i) Quản lý cấp phép hoạt động đào tạo, mở ngành và chương trình đào tạo chưa hiệu quả; (ii) Tồn tại nhiều văn bản, quy định hướng dẫn có nội dung quá chi tiết không phù hợp với thực tế, không phát huy được tính chủ động, sáng tạo của các cơ sở GDĐH; (iii) Công tác kiểm tra, thanh tra, đánh giá hoạt động của các cơ sở GDĐH nặng về hành chính, chưa chú trọng tới chất lượng và hiệu quả thực chất; (iv) Một số cơ sở GDĐH hoạt động kém hiệu quả, kém chất lượng, một số cơ sở GDĐH công lập chưa bám sát sứ mệnh, nhiệm vụ chính trị được giao, giảm hiệu quả đầu tư của Nhà nước.

Nội dung 1.4: Quản lý thống nhất các địa điểm đào tạo, tạo thuận lợi cho các cơ sở GDĐH, nhằm giải quyết các vấn đề về: (i) Thủ tục thành lập, cho phép hoạt động và quản lý hoạt động của phân hiệu; (ii) Quản lý thống nhất, bảo đảm chất lượng hoạt động đào tạo tại các địa điểm ngoài trụ sở chính.

c) Các giải pháp thực hiện chính sách

Nội dung 1.1: Quản lý hiệu quả hoạt động GDĐH, thống nhất và bao quát tất cả các bên tham gia và hình thức hoạt động.

- *Phương án 1:* Giữ nguyên như hiện hành và hoàn thiện các quy định pháp luật có liên quan để bảo đảm đồng bộ, thống nhất trong quản lý.

- *Phương án 2:* (i) Bổ sung định danh cơ sở GDĐH đưa vào quy định chính thức; (ii) Mở rộng đối tượng áp dụng và làm rõ chức năng đối với các cơ sở giáo dục khác có tham gia hoạt động GDĐH.

Phương án 2 là lựa chọn tối ưu vì: (i) Đáp ứng mục tiêu của chính sách, giải quyết triệt để vấn đề đặt ra từ thực tiễn; (ii) Bảo đảm tính kế thừa, thống nhất, loại bỏ khoảng trống pháp lý và chồng chéo giữa các quy định hiện có.

Nội dung 1.2: Tăng cường tự chủ, nâng cao năng lực quản trị của các cơ sở GDĐH và hiệu lực quản lý nhà nước.

- *Phương án 1:* Cơ bản giữ các quy định hiện hành về tự chủ của các cơ sở GDĐH; giảm bớt vai trò của cấp đại học trong mô hình đại học 2 cấp (đại học quốc gia, đại học vùng), các trường đại học thành viên thực hiện quyền tự chủ về tổ chức và hoạt động như các cơ sở GDĐH khác.

- *Phương án 2:* (i) Xác định rõ quyền tự chủ pháp định của các cơ sở GDĐH trong quyết định các hoạt động chuyên môn, học thuật và quản trị nội bộ (chỉ bị hạn chế trong một số trường hợp nhất định), giao Chính phủ quy định chi tiết quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình của các cơ sở GDĐH và giao Bộ GDĐT hướng dẫn các cơ sở GDĐH xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động; (ii) Không quy định trường thành viên trong cơ cấu các đại học (trừ đại học quốc gia, đại học vùng có trường đại học thành viên); (iii) Không thành lập hội đồng trường ở các trường đại học thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các trường đại học thành viên của đại học quốc gia và đại học vùng; quy định rõ thẩm quyền bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo chủ chốt ở các cơ sở GDĐH thuộc thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định của Đảng.

Phương án 2 là lựa chọn tối ưu vì: (i) Đáp ứng đầy đủ mục tiêu của chính sách, tháo gỡ các vướng mắc chủ yếu trong thực tiễn; (ii) Bảo đảm tính kế thừa,

thống nhất, loại bỏ khoảng trống pháp lý và chồng chéo giữa các quy định hiện có; (iii) Phát huy quyền tự chủ của các cơ sở GDĐH đồng thời bảo đảm vai trò, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước; (iv) Bảo đảm các đại học quốc gia, đại học vùng hoạt động là một thực thể thống nhất, hiệu quả để thực hiện nhiệm vụ chiến lược quốc gia, nhiệm vụ phát triển vùng; (v) Bảo đảm tinh thần xây dựng Luật khung, giao Chính phủ và Bộ hướng dẫn những nội dung chi tiết theo thẩm quyền.

Nội dung 1.3: Đổi mới phương thức quản lý nhà nước đối với hoạt động của các cơ sở GDĐH, tối ưu hóa hoạt động của hệ thống giáo dục đại học.

- *Phương án 1:* Cơ bản giữ cấu trúc Luật như hiện tại, nhưng tập trung sửa đổi, hoàn thiện các quy định theo hướng giảm thiểu kiểm soát đầu vào và quá trình hoạt động, tăng cường kiểm soát đầu ra trên cơ sở siết chặt chuẩn đầu ra và kiểm định chất lượng độc lập.

- *Phương án 2:* Thiết lập các nguyên tắc bảo đảm chất lượng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn chất lượng và hiệu quả hoạt động để tập trung quản lý hoạt động của các cơ sở GDĐH theo sứ mạng, mục tiêu; sửa đổi đồng bộ một số nội dung của Luật Giáo dục để tích hợp quy trình cấp phép hoạt động của một cơ sở GDĐH với quy trình mở ngành thành quy trình đăng ký và cấp phép hoạt động theo lĩnh vực, trình độ đào tạo và địa điểm đào tạo; giao quyền tự chủ cho cơ sở GDĐH trong phát triển và thực hiện chương trình đào tạo trong phạm vi được cấp phép, trừ lĩnh vực sức khỏe, đào tạo giáo viên, pháp luật, an ninh và quốc phòng; tích hợp nội dung trùng lặp và bãi bỏ các quy định chi tiết về điều kiện mở ngành, điều kiện thực hiện chương trình đào tạo, quy trình tổ chức đào tạo chi tiết; hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về GDĐH, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ để đánh giá, giám sát chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ sở GDĐH.

Phương án 2 là lựa chọn tối ưu vì: (i) Đáp ứng mục tiêu của chính sách, tháo gỡ các vướng mắc chủ yếu trong thực tiễn; (ii) Bảo đảm tính kế thừa, thống nhất đồng thời loại bỏ chồng chéo và giảm thiểu các quy định chi tiết hiện nay; (iii) Phát huy quyền tự chủ, giải phóng tiềm năng và sức sáng tạo của các cơ sở GDĐH gắn với trách nhiệm giải trình, bảo đảm chất lượng, tăng cường trách nhiệm của các cơ sở GDĐH công lập trong việc thực hiện sứ mệnh, nhiệm vụ chính trị được giao; (iv) Tạo môi trường cạnh tranh minh bạch, bình đẳng của tất cả cơ sở GDĐH dựa trên chất lượng và hiệu quả, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư của Nhà nước; (v) Khai thác hiệu quả sức mạnh công nghệ số trong quản lý nhà nước; (vi) Giảm những vấn đề không lành mạnh trong chạy đua kiểm định chất lượng; (vii) Giảm thiểu thủ tục hành chính (ít nhất 50% do tích hợp quy trình mở ngành với đăng ký hoạt động đào tạo).

Nội dung 1.4: Quản lý thống nhất các địa điểm đào tạo, tạo thuận lợi cho các cơ sở GDĐH.

- *Phương án 1:* Hoàn thiện các quy định của Luật và văn bản hướng dẫn để bảo đảm thống nhất quản lý, kiểm soát điều kiện hoạt động của các phân hiệu và địa điểm đào tạo.

- *Phương án 2*: Xác định phân hiệu là một địa điểm hoạt động đào tạo của cơ sở GDĐH tại các địa phương, không phải là một đơn vị pháp nhân trong cơ cấu tổ chức của một cơ sở GDĐH; quản lý hoạt động đào tạo tại phân hiệu như tại các địa điểm khác của cơ sở GDĐH tại địa phương nơi đóng trụ sở chính; bổ quy định về thành lập phân hiệu (thay vào đó, bổ sung điều kiện phù hợp quy hoạch đối với dự án xây dựng các công trình của cơ sở GDĐH), tích hợp quy định về cấp phép hoạt động đào tạo của phân hiệu vào trong quy định chung về đăng ký, cấp phép hoạt động đào tạo.

Phương án 2 là lựa chọn tối ưu vì: (i) Đáp ứng mục tiêu của chính sách, tháo gỡ các vướng mắc chủ yếu trong thực tiễn; (ii) Cắt giảm thủ tục hành chính, các chi phí tuân thủ và nâng cao hiệu quả quản trị cơ sở GDĐH.

2. Chính sách 2: Hiện đại hóa chương trình và phương thức tổ chức đào tạo, ứng dụng công nghệ tiên tiến và thúc đẩy học tập suốt đời

a) Mục tiêu của chính sách

- Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng các nhu cầu của thị trường lao động và yêu cầu phát triển đất nước trong bối cảnh mới, gắn với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Đa dạng hóa phương thức tổ chức đào tạo, thúc đẩy ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số toàn diện, phát triển các mô hình GDĐH số, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, mở rộng tiếp cận GDĐH, thúc đẩy học tập suốt đời.

b) Nội dung của chính sách

Nội dung 2.1: Đổi mới chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng các yêu cầu thay đổi trong bối cảnh mới nhằm giải quyết các vấn đề về: (i) Toàn cầu hóa trong GDĐH và thị trường lao động; (ii) Yêu cầu về nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (iii) Tác động của trí tuệ nhân tạo và tự động hóa, kinh tế công nghệ cao và chuyển đổi xanh tới cơ cấu ngành nghề và yêu cầu năng lực của người lao động; (iv) Sự thay đổi trong phương thức tổ chức đào tạo, nhu cầu học tập cá thể hóa và học tập suốt đời của người học.

Nội dung 2.2: Đa dạng hóa phương thức tổ chức đào tạo, mở rộng cơ hội tiếp cận GDĐH cho mọi người, nhằm giải quyết các vấn đề về: (i) Đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của người học, nhu cầu học tập suốt đời; (ii) Quản lý và bảo đảm chất lượng đào tạo theo tất cả hình thức, phương thức tổ chức đào tạo, bao gồm cả chính quy và từ xa, liên kết trong nước và quốc tế.

Nội dung 2.3: Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ, mở rộng hoạt động GDĐH trên không gian số, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, nhằm giải quyết các vấn đề về: (i) Hành lang pháp lý cho hoạt động đào tạo trực tuyến và ứng dụng công nghệ trong dạy và học; (ii) Bảo đảm chất lượng đào tạo, kiểm soát việc lạm dụng công nghệ, buông lỏng chất lượng; (iii) Liên kết và hợp tác đào tạo, chia sẻ và sử dụng chung nguồn lực giữa các cơ sở GDĐH trên không gian số; (iv) Cá thể hóa đào tạo, nâng cao chất lượng học tập cho từng cá nhân người học.

c) Các giải pháp thực hiện chính sách

Nội dung 2.1: Đổi mới chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng các yêu cầu thay đổi trong bối cảnh mới.

- *Phương án 1:* Giữ nguyên các quy định, giao Chính phủ, Bộ trưởng quy định, hướng dẫn các nội dung chi tiết.

- *Phương án 2:* Luật hóa những nguyên tắc và yêu cầu cơ bản về nội dung và phương thức phát triển chương trình đào tạo để đáp ứng các yêu cầu trong bối cảnh mới theo những nội dung chính sách, giao Bộ trưởng quy định, hướng dẫn các nội dung chi tiết về chuyên môn trong chuẩn chương trình đào tạo.

Phương án 2 là lựa chọn tối ưu vì: (i) Đáp ứng mục tiêu của chính sách, đặc biệt là các yêu cầu thay đổi trong bối cảnh mới; (ii) Tạo hành lang pháp lý đầy đủ cho hiện đại hóa, đột phá đổi mới giáo dục và đào tạo.

Nội dung 2.2: Đa dạng hóa phương thức tổ chức đào tạo, mở rộng cơ hội tiếp cận GDDH cho mọi người.

- *Phương án 1:* Giữ nguyên các quy định về hình thức đào tạo như hiện nay, không quy định về liên kết đào tạo trong nước, giao Chính phủ quy định về liên kết đào tạo với nước ngoài, Bộ trưởng ban hành quy chế đào tạo cho từng hình thức đào tạo.

- *Phương án 2:* Luật hóa những nguyên tắc và yêu cầu cơ bản, thống nhất về các hình thức đào tạo để đáp ứng các yêu cầu trong nội dung chính sách; tích hợp quy định về liên kết đào tạo với nước ngoài trong quy định về đăng ký hoạt động đào tạo; giao Bộ trưởng quy định, hướng dẫn các nội dung chi tiết về chuyên môn trong quy chế đào tạo.

Phương án 2 là lựa chọn tối ưu vì: (i) Đáp ứng mục tiêu của chính sách, đặc biệt là các yêu cầu thay đổi trong bối cảnh mới; (ii) Hoàn thiện hành lang pháp lý cho hiện đại hóa, đột phá đổi mới giáo dục và đào tạo; (iii) Cắt giảm mạnh thủ tục hành chính, đồng thời thống nhất quản lý và bảo đảm chất lượng đối với mọi hình thức đào tạo; (iv) Mở rộng cơ hội tiếp cận GDDH cho mọi người.

Nội dung 2.3: Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ, mở rộng hoạt động GDDH trên không gian số, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

- *Phương án 1:* Giữ nguyên các quy định như hiện nay, không quy định về liên kết đào tạo trong nước, giao Bộ trưởng hướng dẫn chi tiết trong quy chế đào tạo.

- *Phương án 2:* Luật hóa những nguyên tắc và yêu cầu cơ bản, thống nhất về ứng dụng công nghệ và hoạt động GDDH trong không gian số để đáp ứng các yêu cầu trong nội dung chính sách, trong đó có những quy định về GDDH số, quyền và trách nhiệm của các cơ sở GDDH trong hợp tác, liên kết đào tạo trong môi trường số; luật hóa quyền học tập suốt đời, công nhận kết quả học tập đã tích lũy; tích hợp các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo trong quy định về đăng ký hoạt động đào tạo trên môi trường số; giao Bộ trưởng quy định, hướng dẫn các nội dung chi tiết về chuyên môn trong quy chế đào tạo.

Phương án 2 là lựa chọn tối ưu vì: (i) Đáp ứng mục tiêu của chính sách, đặc biệt là các yêu cầu thay đổi trong bối cảnh mới; (ii) Hoàn thiện hành lang pháp lý cho hiện đại hóa, đột phá đổi mới giáo dục và đào tạo; (iii) Cắt giảm mạnh thủ tục hành chính, đồng thời thống nhất quản lý và bảo đảm chất lượng đối với mọi phương thức tổ chức đào tạo; (iv) Mở rộng cơ hội tiếp cận GDDH có chất lượng cho mọi người, tạo cơ hội học tập mọi nơi, mọi lúc; (v) Nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo trên các nền tảng GDDH số; (vi) Giảm thiểu các thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho các cơ sở GDDH.

3. Chính sách 3: Định vị cơ sở giáo dục đại học là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo gắn với đào tạo nhân lực chất lượng cao

a) Mục tiêu của chính sách

- Thể chế hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, xác lập vai trò then chốt của cơ sở GDDH trong hệ thống tổ chức nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia;

- Thúc đẩy gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo - nghiên cứu - đổi mới sáng tạo - thị trường lao động; nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, phát triển nhân tài gắn với nâng cao năng lực và kết quả nghiên cứu, đổi mới sáng tạo của các cơ sở GDDH; huy động hiệu quả các nguồn lực từ doanh nghiệp, nhà nước và quốc tế đầu tư cho nghiên cứu, phát triển và chuyển giao tri thức trong trường đại học.

b) Nội dung của chính sách

Nội dung 3.1: Định vị cơ sở GDDH là tổ chức nghiên cứu và phát triển và trung tâm đổi mới sáng tạo, nhằm giải quyết các vấn đề về: (i) Xác định vị trí pháp lý gắn với chức năng, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ sở GDDH trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; (ii) Xác định các lĩnh vực, loại hình hoạt động khoa học, công nghệ Nhà nước cần ưu tiên đầu tư, giao nhiệm vụ cho các cơ sở GDDH; (iii) Xác định nhiệm vụ, quyền hạn của giảng viên đại học, phương pháp dạy và học các trình độ của GDDH.

Nội dung 3.2: Gắn kết nghiên cứu, đổi mới sáng tạo với đào tạo chất lượng cao, thu hút và phát triển nhân tài, nhằm giải quyết các vấn đề về: (i) Nâng cao chất lượng đào tạo thông qua tăng cường nghiên cứu, trải nghiệm và sáng tạo; (ii) Nâng cao năng lực, trình độ và năng suất nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên; (iii) Gia tăng quy mô và chất lượng đào tạo sau đại học, nhất là ở trình độ tiến sĩ và ở các ngành, lĩnh vực trọng điểm; (iv) Tăng cường năng lực và hiệu quả đổi mới sáng tạo của các cơ sở GDDH.

Nội dung 3.3: Huy động các nguồn lực cho nghiên cứu, đổi mới sáng tạo trong các cơ sở GDDH, nhằm giải quyết các vấn đề về: (i) Tăng cường cơ sở vật chất và nguồn lực cho nghiên cứu, đổi mới sáng tạo cho các cơ sở GDDH; (ii) Nâng cao hiệu quả chi ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; (iii) Nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực sẵn có tại các cơ sở GDDH cho nghiên cứu, đổi mới sáng tạo.

c) Các giải pháp thực hiện chính sách

Nội dung 3.1: Định vị cơ sở GDĐH là tổ chức nghiên cứu và phát triển và trung tâm đổi mới sáng tạo.

- *Phương án 1:* Kế thừa quy định hiện hành về cơ sở GDĐH định hướng nghiên cứu và cơ sở GDĐH định hướng ứng dụng, bổ sung cơ sở GDĐH định hướng đổi mới sáng tạo, theo đó các cơ sở GDĐH được tự xác định định hướng, trên cơ sở đó Chính phủ quy định việc công nhận cơ sở GDĐH định hướng nghiên cứu, định hướng ứng dụng hay định hướng đổi mới sáng tạo.

- *Phương án 2:* Bỏ các quy định về cơ sở GDĐH định hướng nghiên cứu hay định hướng ứng dụng, chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu hay định hướng ứng dụng. Luật hóa việc mỗi cơ sở GDĐH là một tổ chức nghiên cứu và phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, mức độ ở mỗi hoạt động có thể khác nhau do cơ sở GDĐH tự xác định theo sứ mệnh, mục tiêu phát triển trong từng thời kỳ (không thấp hơn yêu cầu trong chuẩn cơ sở GDĐH); riêng đại học quốc gia, đại học vùng, các cơ sở GDĐH trọng điểm và một số cơ sở GDĐH khác được Nhà nước giao sứ mệnh, mục tiêu cụ thể (trong Luật hoặc qua các đề án được phê duyệt) phải thực hiện theo sứ mệnh, mục tiêu được giao. Quy định ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất phục vụ đào tạo gắn kết với nghiên cứu, và giao nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản trong các cơ sở GDĐH.

Phương án 2 là lựa chọn tối ưu vì: (i) Đáp ứng mục tiêu của chính sách, đặc biệt là các yêu cầu thay đổi trong bối cảnh mới; (ii) Phù hợp với yêu cầu đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; (iii) Bỏ được việc công nhận định hướng nghiên cứu của các cơ sở GDĐH mà thực tế không khả thi; (iv) Phù hợp với xu hướng chung của GDĐH trên thế giới; (v) Thống nhất với chính sách đổi mới quản lý nhà nước theo sứ mạng, mục tiêu (Nội dung 1.3 của Chính sách 1) và thống nhất với chính sách hiện đại hóa chương trình đào tạo (Nội dung 2.2 của Chính sách 2); (vi) Thống nhất với các quy định của (dự luật) Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Nội dung 3.2: Gắn kết nghiên cứu, đổi mới sáng tạo với đào tạo chất lượng cao, thu hút và phát triển nhân tài.

- *Phương án 1:* Kế thừa quy định hiện hành về phân loại chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng, bổ sung chương trình đào tạo định hướng đổi mới sáng tạo; gắn các định hướng chương trình với mỗi trình độ đào tạo; sửa Luật Giáo dục để đồng bộ các quy định về hỗ trợ người học đối với các trình độ sau đại học, ưu tiên sinh viên theo học các chương trình định hướng nghiên cứu; hoàn thiện các quy định của Luật Nhà giáo để bổ sung nhiệm vụ nghiên cứu đối với giảng viên đại học; bổ sung các quy định về quyền hạn và nghĩa vụ của người học trong việc tham gia các hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo.

- *Phương án 2:* Bỏ quy định về phân loại định hướng chương trình đào tạo. Luật hóa nguyên tắc, yêu cầu chung đối với tất cả chương trình đào tạo phải gắn với hoạt động nghiên cứu, sáng tạo ở các mức độ khác nhau do cơ sở GDĐH quyết định và công bố rõ trong nội dung chương trình đào tạo, không

thấp hơn quy định trong chuẩn chương trình đào tạo đối với các lĩnh vực, trình độ đào tạo; sửa Luật Giáo dục để đồng bộ các quy định về hỗ trợ người học đối với các trình độ sau đại học, ưu tiên người học theo các ngành, chương trình trọng điểm do Chính phủ quy định; quy định nhiệm vụ và quyền hạn của giảng viên đại học trong nghiên cứu, sáng tạo và giao Bộ trưởng quy định chi tiết về chế độ làm việc, tiêu chí đánh giá giảng viên căn cứ kết quả hoạt động nghiên cứu. Quy định khuyến khích sinh viên nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và bắt buộc đối với học viên sau đại học.

Phương án 2 là lựa chọn tối ưu vì: (i) Đáp ứng mục tiêu của chính sách, đặc biệt là các yêu cầu thay đổi trong bối cảnh mới; (ii) Phù hợp với yêu cầu đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; (iii) Phù hợp với xu hướng chung của GDDH trên thế giới; (iv) Thống nhất với chính sách hiện đại hóa chương trình đào tạo (Nội dung 2.2 của Chính sách 2) và Chính sách 5 về phát triển đội ngũ nhà giáo; (v) Bảo đảm khả thi, đồng bộ trong việc xây dựng, hoàn thiện các dự luật.

Nội dung 3.3: Huy động các nguồn lực cho nghiên cứu, đổi mới sáng tạo trong các cơ sở GDDH.

- *Phương án 1:* Đề xuất các nội dung cần thiết để bổ sung, hoàn thiện (dự) Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, một số nội dung đưa vào quy định của Chính phủ hướng dẫn Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- *Phương án 2:* Kế thừa các nội dung của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chỉ đưa các nội dung cần thiết mang tính nguyên tắc vào Luật này, trên cơ sở đó Chính phủ quy định chi tiết: Quy định về ưu tiên đầu tư cho nghiên cứu cơ bản gắn với đào tạo trong các cơ sở GDDH; quy định về quỹ học bổng phát triển tài năng (cho sinh viên các chương trình đào tạo tài năng, học viên sau đại học các ngành, lĩnh vực trọng điểm, thu hút giảng viên giỏi từ nước ngoài); quy định về hợp tác, liên kết giữa các cơ sở GDDH, viện nghiên cứu và doanh nghiệp, bao gồm cả quy định về giảng viên đồng cơ hữu, khai thác sử dụng chung cơ sở vật chất,....

Phương án 2 là lựa chọn tối ưu vì: (i) Giải quyết được một điểm nghẽn lớn về quy mô đào tạo sau đại học hiện nay; (ii) Đáp ứng mục tiêu của chính sách, đặc biệt là các yêu cầu thay đổi trong bối cảnh mới; (iii) Phù hợp với yêu cầu đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; (iv) Phù hợp với xu hướng chung của GDDH trên thế giới; (v) Bảo đảm khả thi, đồng bộ với Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Chính sách 4: Tăng cường huy động các nguồn lực và nâng cao hiệu quả đầu tư hiện đại hóa giáo dục đại học

a) Mục tiêu của chính sách

Tăng cường các nguồn lực cho hiện đại hóa, đột phá phát triển GDDH; nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng ngân sách nhà nước cho GDDH; điều tiết và định hướng thị trường GDDH, mở rộng cơ hội tiếp cận GDDH cho người học; đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Nội dung của chính sách

Nội dung 4.1: Phân bổ ngân sách chi đầu tư theo chiến lược, định hướng phát triển GDDH, chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ sở GDDH nhằm: (i) Khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kém hiệu quả; (ii) Tạo cạnh tranh bình đẳng, thúc đẩy các cơ sở GDDH nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động; (iii) Đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực và yêu cầu nhiệm vụ nghiên cứu theo ưu tiên của Nhà nước.

Nội dung 4.2: Cơ chế học phí và hỗ trợ tài chính cho người học bảo đảm công bằng trong tiếp cận GDDH và nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, nhằm giải quyết các vấn đề: (i) Thiếu công bằng trong tiếp cận giáo dục do rào cản tài chính; (ii) Chưa có cơ chế học phí và hỗ trợ tài chính thống nhất, linh hoạt; (iii) Thiếu công cụ định hướng, thu hút người học theo học các lĩnh vực, trình độ đào tạo cần ưu tiên; (iv) Cơ chế học phí chưa gắn chặt với chất lượng đào tạo; (v) Thiếu bình đẳng giữa các cơ sở GDDH trong xác định mức học phí.

Nội dung 4.3: Đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo nhân lực chất lượng cao theo kết quả đầu ra (bao gồm cả đào tạo giáo viên, đào tạo nâng cao trình độ giảng viên), nhằm: (i) Giải quyết hiệu quả các vướng mắc trong đặt hàng, giao nhiệm vụ theo đầu vào; (ii) Thúc đẩy các cơ sở GDDH cạnh tranh theo chất lượng và hiệu quả đào tạo thực chất; (iii) Nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách Nhà nước và các nguồn lực xã hội; (iv) Đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của từng bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp.

Nội dung 4.4: Giao quyền tự chủ cho các cơ sở GDDH công lập trong việc huy động và sử dụng các nguồn lực ngoài ngân sách, nhằm: (i) Khắc phục những vướng mắc trong quy trình, thủ tục xin phê duyệt các dự án hợp tác với nước ngoài; (ii) Tạo động lực cho các cơ sở GDDH hợp tác với doanh nghiệp trong và ngoài nước để tăng cường thu hút các nguồn lực, nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu.

Nội dung 4.5: Ưu đãi về đất đai, thuế, tín dụng cho các cơ sở GDDH và các hoạt động hợp tác, đầu tư và tài trợ cho GDDH, nhằm giải quyết các vấn đề về: (i) Khó khăn, vướng mắc trong thủ tục xin cấp đất để đầu tư cho GDDH; (ii) Tăng chi phí đào tạo, dẫn tới tăng học phí của người học do các loại thuế; (iii) Thiếu công bằng giữa các cơ sở GDDH công lập có mức độ tự chủ tài chính khác nhau; (iv) Chưa thu hút được hiệu quả doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân đầu tư, hợp tác và tài trợ phát triển GDDH.

c) Các giải pháp thực hiện chính sách

Nội dung 4.1: Phân bổ ngân sách chi đầu tư theo chiến lược, định hướng phát triển GDDH, chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ sở GDDH.

- *Phương án 1:* Thực hiện phân bổ ngân sách theo các quy định hiện hành về ngân sách và đầu tư công; các cơ quan chủ quản phân bổ các cơ sở GDDH dựa trên chiến lược phát triển, nhu cầu đầu tư của từng cơ sở GDDH, các tiêu chí ưu tiên đầu tư và kết quả kiểm định chất lượng của các cơ sở GDDH.

- *Phương án 2*: Luật quy định việc xây dựng kế hoạch đầu tư tổng thể dựa trên chiến lược, định hướng phát triển hệ thống GDĐH; việc phân bổ kinh phí đầu tư cho các cơ sở GDĐH thống nhất dựa trên các chỉ số chất lượng và hiệu quả hoạt động (KPI) và theo các quy định hiện hành về ngân sách và đầu tư công. Giao Chính phủ quy định quy trình thực hiện, Bộ trưởng Bộ GDĐT xây dựng bộ KPI chi tiết.

Phương án 2 là lựa chọn tối ưu vì: (i) Đáp ứng đầy đủ mục tiêu của chính sách; (ii) Đây là giải pháp đột phá để nâng cao hiệu quả đầu tư của nhà nước cho GDĐH; (iii) Dựa trên kinh nghiệm của nhiều quốc gia trên thế giới; (iv) Bảo đảm độ tin cậy và tính khả thi của bộ KPI dựa trên cơ sở dữ liệu GDĐH và bộ chỉ số của chuẩn cơ sở GDĐH đã triển khai; (v) Đồng bộ với chính sách phân bổ ngân sách khoa học - công nghệ theo Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Nội dung 4.2: Cơ chế học phí và hỗ trợ tài chính cho người học bảo đảm công bằng trong tiếp cận GDĐH và nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo.

- *Phương án 1*: Kế thừa quy định hiện hành, cho phép các cơ sở GDĐH đủ điều kiện tự chủ tự xác định mức học phí, Chính phủ quy định khung học phí cho các cơ sở GDĐH khác; sửa các quy định của Luật Giáo dục về học bổng, giao Chính phủ quy định chi tiết; sửa đổi quyết định của Thủ tướng về tín dụng ưu đãi cho người học.

- *Phương án 2*: Quy định các nguyên tắc thống nhất về cơ chế học phí, học bổng, tín dụng ưu đãi và giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết, cụ thể: (i) Các cơ sở GDĐH tính đúng, tính đủ học phí bảo đảm chất lượng theo khung quy định của Chính phủ, Nhà nước thực hiện chế độ miễn giảm học phí cho đối tượng chính sách; (ii) Bảo đảm tất cả người học có hoàn cảnh khó khăn được tiếp cận tín dụng ưu đãi để trang trải chi phí học tập, không để ai mất cơ hội vì yếu tố tài chính; (iii) Nhà nước cấp học bổng có đối ứng của cơ sở GDĐH để thu hút người học, nhất là người giỏi theo học các ngành, trình độ đào tạo cần ưu tiên chung của cả nước hoặc từng vùng, không gắn với địa chỉ sử dụng nhân lực cụ thể.

Phương án 2 là lựa chọn tối ưu vì: (i) Đáp ứng đầy đủ mục tiêu của chính sách, giải quyết hiệu quả các vấn đề thực tiễn; (ii) Đây là giải pháp đột phá để thu hút nguồn lực từ xã hội và nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước cho GDĐH; (iii) Dựa trên kinh nghiệm của nhiều quốc gia trên thế giới; (iv) Hệ thống mạch lạc, thống nhất, loại bỏ chồng chéo giữa các cơ chế, chính sách hỗ trợ; (v) Thúc đẩy các ngành, lĩnh vực cần ưu tiên phát triển.

Nội dung 4.3: Đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo nhân lực chất lượng cao theo kết quả đầu ra (bao gồm cả đào tạo giáo viên, đào tạo nâng cao trình độ giảng viên).

- *Phương án 1*: Luật không quy định nội dung này, giao Chính phủ quy định chi tiết.

- *Phương án 2*: Luật quy định nguyên tắc, mục đích của cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ: Áp dụng cho đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có địa chỉ sử dụng (với chi phí cao hơn mức hỗ trợ học bổng thông thường); cơ sở đào tạo

được trả kinh phí hỗ trợ đào tạo theo số lượng người làm việc (hoặc học tiếp) theo địa chỉ sử dụng, được chủ động sử dụng kinh phí để tăng cường năng lực đào tạo hoặc hỗ trợ bổ sung học bổng cho người học.

Phương án 2 là lựa chọn tối ưu vì: (i) Đáp ứng đầy đủ mục tiêu của chính sách, giải quyết hiệu quả các vấn đề thực tiễn; (ii) Đây là giải pháp đột phá để nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước cho GDDH; (iii) Dễ thực hiện, đáp ứng nhanh và kịp thời nhu cầu nhân lực theo địa chỉ sử dụng; (iv) Thúc đẩy các cơ sở GDDH cạnh tranh nâng cao chất lượng đào tạo.

Nội dung 4.4: Giao quyền tự chủ cho các cơ sở GDDH công lập trong việc huy động và sử dụng các nguồn lực ngoài ngân sách.

- *Phương án 1:* Không quy định trong Luật; đề nghị sửa đổi trực tiếp các quy định của Chính phủ có liên quan.

- *Phương án 2:* Quy định nguyên tắc trong Luật, giao Chính phủ quy định chi tiết về quyền tự chủ của các cơ sở GDDH công lập, trường hợp cần thiết thì thực hiện sửa các điều khoản liên quan trong các quy định khác của Chính phủ.

Phương án 2 là lựa chọn tối ưu vì: bảo đảm đồng bộ với Chính sách 1, không phải sửa đổi trực tiếp và bảo đảm thống nhất với các quy định khác của Chính phủ có liên quan.

Nội dung 4.5: Ưu đãi về đất đai, thuế, tín dụng cho các cơ sở GDDH và các hoạt động hợp tác, đầu tư và tài trợ cho GDDH.

- *Phương án 1:* Quy định trong Luật này để bảo đảm các cơ sở GDDH được hưởng mức ưu đãi cao nhất, không phụ thuộc loại hình tư thực hay công lập, mức độ tự bảo đảm kinh phí hoạt động.

- *Phương án 2:* Quy định một số nguyên tắc trong Luật, bảo đảm không mâu thuẫn, chồng chéo với các Luật khác, làm căn cứ sửa đổi các quy định liên quan của Chính phủ, cũng như để các địa phương có căn cứ quyết định thực hiện, cụ thể là: Các cơ sở GDDH được hưởng các mức ưu đãi cao nhất về đất đai, thuế, tín dụng, đặc biệt các cơ sở GDDH công lập và tư thực hoạt động không vì lợi nhuận.

Phương án 2 là lựa chọn tối ưu vì: (i) Đáp ứng các mục tiêu của chính sách, giải quyết hiệu quả các vấn đề đặt ra; (ii) Bảo đảm bình đẳng giữa các cơ sở GDDH hoạt động không vì lợi nhuận; (iii) Khả thi, đồng bộ với các luật khác; (iv) Thực hiện đúng chủ trương xã hội hóa.

5. Chính sách 5: Phát triển đội ngũ giảng viên, nhà khoa học xuất sắc và môi trường học thuật sáng tạo, liên chính

a) Mục tiêu của chính sách

- Phát triển đội ngũ giảng viên, nhà khoa học có năng lực chuyên môn cao, trình độ quốc tế, và đủ sức dẫn dắt đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu trong các cơ sở GDDH;

- Thiết lập cơ sở pháp lý để phát triển đội ngũ giảng viên đại học đạt chuẩn, được ghi nhận đúng vai trò, chức danh nghề nghiệp và được hưởng các chế độ đãi ngộ tương xứng; thu hút, sử dụng và trọng dụng nhân tài;

- Tạo dựng môi trường và văn hóa làm việc khuyến khích phát huy tài năng, năng lực, sở trường của các nhà khoa học, người học.

b) Nội dung của chính sách

Nội dung 5.1: Phân loại giảng viên đại học, chức danh giảng viên và quy định về chuẩn chức danh giảng viên đại học, nhằm giải quyết các vấn đề: (i) Vướng mắc giữa quy định về các chức danh giảng viên theo Luật GDĐH với các quy định về chức danh viên chức; (ii) Thiếu quy định cụ thể về các chức danh giảng viên đại học trong cơ sở GDĐH tư thục; (iii) Thiếu căn cứ cho việc quy định cụ thể các chuẩn chức danh giảng viên; (iv) Thiếu hành lang pháp lý thống nhất cho việc quản lý và sử dụng hiệu quả đội ngũ giảng viên đồng cơ hữu, giảng viên thỉnh giảng.

Nội dung 5.2: Quy định nhiệm vụ và quyền hạn của giảng viên, thúc đẩy nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và phát triển chuyên môn, nhằm giải quyết các vấn đề: (i) Thiếu căn cứ cho quản lý hiệu quả đội ngũ giảng viên; (ii) Năng lực chuyên môn và nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên còn thấp; (iii) Giảng dạy không gắn với nghiên cứu.

Nội dung 5.3: Tự chủ của cơ sở GDĐH trong tuyển dụng và quản lý đội ngũ giảng viên, đáp ứng yêu cầu đặc thù của các cơ sở GDĐH, nhằm giải quyết các vấn đề: (i) Vướng mắc trong tuyển dụng, quản lý và trả lương giảng viên trong cơ sở GDĐH công lập theo các quy định đối với viên chức; (ii) Vướng mắc trong tuyển dụng giảng viên người nước ngoài theo các quy định về lao động là người nước ngoài.

Nội dung 5.4: Xây dựng môi trường học thuật sáng tạo, liêm chính, giải quyết các vấn đề về: (i) Thiếu môi trường làm việc dân chủ và sáng tạo cho đội ngũ giảng viên; (ii) Tiêu cực, vi phạm liêm chính trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn, học thuật khác.

c) Các giải pháp thực hiện chính sách

Nội dung 5.1: Phân loại giảng viên đại học, chức danh giảng viên và quy định về chuẩn chức danh giảng viên đại học.

- **Phương án 1:** Kế thừa tối đa các quy định về giảng viên của Luật Nhà giáo, quy định về giáo sư, phó giáo sư của Luật Giáo dục, quy định về các chức danh giảng viên (cho cả cơ sở GDĐH công lập và tư thục) dựa trên hạng viên chức theo quy định hiện hành về Luật viên chức, chỉ bổ sung các nội dung cần thiết mà chưa được quy định tại các luật khác. Giữ quy định Thủ tướng quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư.

- **Phương án 2:** Quy định rõ các loại giảng viên đại học (cơ hữu, đồng cơ hữu, thỉnh giảng), các chức danh giáo sư, phó giáo sư; kế thừa tối đa các quy định về giảng viên của Luật Nhà giáo đối với giảng viên cơ hữu; sửa đổi Luật Giáo dục để bãi bỏ quy định về giáo sư, phó giáo sư. Chính phủ quy định chi tiết

về giảng viên đồng cơ hữu, quy định các chức danh giảng viên khác giáo sư, phó giáo sư cho cả cơ sở GDĐH công lập và tư thục (theo hướng thống nhất với hạng viên chức); Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định chi tiết về giảng viên thỉnh giảng và chuẩn các chức danh giảng viên, thủ tục bổ nhiệm các chức danh giáo sư và phó giáo sư.

Phương án 2 là lựa chọn tối ưu vì: (i) Đáp ứng các mục tiêu của chính sách, giải quyết hiệu quả các vấn đề đặt ra; (ii) Thực hiện được các yêu cầu đặc thù về giảng viên đại học, đồng thời bảo đảm tính đồng bộ với các Luật khác; (iii) Thực hiện đúng chủ trương tăng cường phân cấp, phân quyền.

Nội dung 5.2: Quy định nhiệm vụ và quyền hạn của giảng viên, thúc đẩy nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và phát triển chuyên môn.

- *Phương án 1:* Kế thừa tối đa các nội dung của Luật Giáo dục và Luật Nhà giáo, Luật này không quy định thêm nội dung nào.

- *Phương án 2:* Luật quy định ngắn gọn nhiệm vụ và quyền hạn của giảng viên trên cơ sở kế thừa tối đa, không quy định lại các nội dung đã quy định tại Luật Giáo dục và Luật Nhà giáo, cụ thể bổ sung nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển chuyên môn, quyền được tham gia các hoạt động nghề nghiệp,...

Phương án 2 là lựa chọn tối ưu vì: (i) Đáp ứng các mục tiêu của chính sách, giải quyết hiệu quả các vấn đề đặt ra; (ii) Đồng bộ với chính sách gắn kết đào tạo chất lượng cao với nghiên cứu, đổi mới sáng tạo; gắn đào tạo với thực tiễn nghề nghiệp; (iii) Bao quát được đội ngũ giảng viên cả ở cơ sở GDĐH tư thục; (iv) Bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất với các luật khác.

Nội dung 5.3: Tự chủ của cơ sở GDĐH trong tuyển dụng và quản lý đội ngũ giảng viên, đáp ứng yêu cầu đặc thù của các cơ sở GDĐH.

- *Phương án 1:* Quy định cụ thể một số quyền tự chủ của các cơ sở GDĐH về tuyển dụng và quản lý đội ngũ giảng viên trong Luật này, những nội dung khác thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

- *Phương án 2:* Quy định mang tính nguyên tắc trong Luật về quyền tự chủ toàn diện của cơ sở GDĐH về tuyển dụng và quản lý đội ngũ giảng viên, bao gồm cả việc tuyển dụng giảng viên là người nước ngoài, chế độ làm việc, trả lương và thu nhập cho giảng viên, thẩm quyền bổ nhiệm các chức danh giảng viên; những nội dung cụ thể sẽ được Chính phủ hướng dẫn trong quy định chi tiết về quyền tự chủ của các cơ sở GDĐH.

Phương án 2 là lựa chọn tối ưu vì: (i) Đáp ứng các mục tiêu của chính sách, giải quyết hiệu quả các vấn đề đặt ra; (ii) Đồng bộ với nội dung chính sách về tăng quyền tự chủ cho các cơ sở GDĐH; (iii) Thống nhất về thẩm quyền bổ nhiệm các chức danh giảng viên như thẩm quyền bổ nhiệm giáo sư, phó giáo sư theo Luật hiện hành.

Nội dung 5.4: Xây dựng môi trường học thuật sáng tạo, liêm chính.

- *Phương án 1:* Luật giao Bộ trưởng Bộ GDĐT hướng dẫn xây dựng môi trường học thuật sáng tạo, liêm chính.

- *Phương án 2*: Luật quy định những nguyên tắc cơ bản, giao trách nhiệm cho cơ sở GDDH tự xây dựng quy định về xây dựng môi trường học thuật sáng tạo, liêm chính.

Phương án 2 là lựa chọn tối ưu vì: (i) Đáp ứng các mục tiêu của chính sách, giải quyết hiệu quả các vấn đề đặt ra; (ii) Đồng bộ với chính sách tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình của các cơ sở GDDH; (iii) Phù hợp với văn hóa và giá trị của mỗi cơ sở GDDH.

6. Chính sách 6: Đổi mới cách tiếp cận, bảo đảm thực chất trong công tác bảo đảm chất lượng giáo dục đại học

a) Mục tiêu của chính sách

- Nâng cao hiệu quả trong quản trị chất lượng GDDH; hình thành văn hóa chất lượng trong mỗi con người, mỗi hoạt động của từng cơ sở GDDH.

- Giảm thiểu chi phí, khắc phục những bất cập, đưa công tác đánh giá, kiểm định chất lượng đi vào thực chất, giúp các cơ sở GDDH cải tiến, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động.

b) Nội dung chính sách

Nội dung 6.1: Đổi mới công tác bảo đảm chất lượng GDDH theo cách tiếp cận quản trị rủi ro, nhằm giải quyết các vấn đề: (i) Quá tải và lãng phí trong kiểm định chương trình đào tạo; (ii) Chạy theo hình thức, đề cao quá mức kết quả kiểm định; (iii) Chưa chú trọng công tác bảo đảm chất lượng bên trong.

Nội dung 6.2: Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước đối với công tác bảo đảm chất lượng, nhằm giải quyết các vấn đề: (i) Quan ngại về chất lượng, độ tin cậy của các kết quả kiểm định; (ii) Cạnh tranh không lành mạnh giữa các tổ chức kiểm định; (iii) Buông lỏng chất lượng đào tạo của các cơ sở GDDH.

c) Các giải pháp thực hiện chính sách

Nội dung 6.1: Đổi mới công tác bảo đảm chất lượng GDDH theo cách tiếp cận quản trị rủi ro.

- *Phương án 1*: Giữ nguyên các quy định về kiểm định cơ sở GDDH, bao gồm cả quy định về việc sử dụng kết quả kiểm định cơ sở GDDH. Bãi bỏ hoàn toàn yêu cầu bắt buộc kiểm định các chương trình đào tạo đồng thời sửa Luật Giáo dục để bỏ nguyên tắc “bắt buộc” trong kiểm định chất lượng giáo dục.

- *Phương án 2*: Hoàn thiện các quy định về kiểm định cơ sở GDDH (bắt buộc đối với tất cả cơ sở GDDH); sửa đổi quy định về kiểm định chương trình đào tạo, chỉ yêu cầu bắt buộc đối với các lĩnh vực, nhóm ngành đặc thù (sức khỏe, sư phạm, pháp luật) và chương trình đầu tiên thuộc một lĩnh vực đào tạo. Bãi bỏ quy định trong Luật về việc sử dụng kết quả kiểm định; sửa Luật Giáo dục để bỏ nguyên tắc “bắt buộc” trong kiểm định chất lượng giáo dục. Bổ sung quy định về bảo đảm chất lượng là nguyên tắc xuyên suốt trong mọi chính sách; quy định về hệ thống bảo đảm chất lượng nội bộ trong cơ sở GDDH.

Phương án 2 là lựa chọn tối ưu vì: (i) Đáp ứng các mục tiêu của chính sách, giải quyết hiệu quả các vấn đề đặt ra; (ii) Cách tiếp cận hiện đại, bảo đảm được yêu cầu quản lý chất lượng chặt chẽ đối với các trường hợp rủi ro cao.

Nội dung 6.2: Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước đối với công tác bảo đảm chất lượng.

- *Phương án 1:* Tách quy trình kiểm định và công nhận kết quả kiểm định, trong đó quy trình đánh giá ngoài và xác định kết quả do tổ chức kiểm định thực hiện, việc công nhận kết quả kiểm định do cơ quan nhà nước thực hiện.

- *Phương án 2:* Quy định rõ thẩm quyền của cơ quan nhà nước trong việc kiểm tra, giám sát, thẩm định kết quả khi thấy cần thiết, yêu cầu tổ chức kiểm định hủy bỏ hoặc thay đổi kết quả kiểm định nếu có gian lận, tiêu cực hoặc khi kết quả thẩm định khác biệt nhiều so với kết quả kiểm định đã công bố. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu GDDH để tăng cường hiệu quả giám sát các chỉ số điều kiện và kết quả hoạt động theo chuẩn cơ sở GDDH; giám sát các kết quả đánh giá và kiểm định do tổ chức kiểm định báo cáo.

Phương án 2 là lựa chọn tối ưu vì: (i) Đáp ứng các mục tiêu của chính sách, giải quyết hiệu quả các vấn đề đặt ra; (ii) Bảo đảm được nguyên tắc khách quan, độc lập trong kiểm định, đồng thời nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước; (iii) Không phát sinh thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ, chi phí thực hiện quy trình công nhận kết quả kiểm định.

Trên đây là 06 chính sách trọng tâm nhằm cụ thể hóa định hướng phát triển GDDH; hiện đại hóa - tự chủ đại học - nâng cao chất lượng là trục xuyên suốt và thể hiện rõ trong từng chính sách. Từ nhóm các chính sách trên, dự thảo Luật Giáo dục đại học (sửa đổi) soạn thảo dự kiến giảm hơn 1/3 số điều, giảm 2 chương; giảm 50% số lượng quy trình; giảm tối thiểu 50% các thủ tục hành chính so với Luật GDDH hiện hành.

VI. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI HỒ SƠ CHÍNH SÁCH GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

1. Ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành chính sách

Ngay sau khi chính sách của Luật GDDH (sửa đổi) được Chính phủ thông qua, Bộ GDĐT tổ chức biên soạn Luật Giáo dục đại học (sửa đổi) và chuẩn bị theo thẩm quyền để trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật, bảo đảm tiến độ thực hiện.

2. Tuyên truyền, phổ biến chính sách

Bộ GDĐT là cơ quan chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi nội dung chính sách của Luật GDDH (sửa đổi) tới các cơ sở GDDH, đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, người học và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Bảo đảm nguồn lực thực hiện các chính sách

Với các chính sách dự kiến quy định, việc triển khai thực hiện Luật không đặt ra yêu cầu tăng thêm biên chế hoặc nhân lực mới. Các bộ, ngành và địa phương thực hiện chính sách trên cơ sở sử dụng hiệu quả nguồn lực hiện có, không làm phát sinh thêm tổ chức bộ máy, biên chế và ngân sách thường xuyên.

4. Theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành chính sách

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức theo dõi, kiểm tra việc triển khai thi hành chính sách của Luật GDDH (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

5. Nâng cao năng lực thực thi chính sách tại cơ sở GDDH

Để bảo đảm thực thi hiệu quả các chính sách mới, cần tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và chuyên viên pháp chế các cơ sở GDDH; hướng dẫn xây dựng quy chế nội bộ phù hợp với khung pháp lý mới; đồng thời phát triển hệ thống dữ liệu và công cụ số hóa phục vụ quản trị đại học hiện đại, minh bạch và kết nối công tác theo dõi, đánh giá chính sách.

6. Xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá và phản hồi chính sách

Cần xây dựng hệ thống giám sát và phản hồi chính sách theo hướng tích hợp dữ liệu, số hóa và công khai, đồng thời định kỳ đánh giá tác động thực tiễn của các chính sách trọng điểm và khuyến khích sự tham gia của các tổ chức xã hội, hiệp hội, doanh nghiệp trong giám sát, góp ý để hoàn thiện chính sách.

7. Kiến nghị với Chính phủ

Theo quy định của Luật số 64/2025/QH15, văn bản quy phạm pháp luật phải được quy định cụ thể để khi có hiệu lực; trong trường hợp văn bản có điều, khoản, điểm mà nội dung liên quan đến quy trình, quy chuẩn kỹ thuật và những nội dung khác cần quy định chi tiết thì ngay tại điều, khoản, điểm đó có thể giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định chi tiết.

Căn cứ Nghị quyết số 77/2025/UBTVQH15 ngày 21/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh Chương trình lập pháp năm 2025, Bộ Giáo dục và Đào tạo trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội vào phiên họp tháng 8/2025 và trình Quốc hội cho ý kiến về dự thảo Luật Giáo dục đại học (sửa đổi) vào kỳ họp thứ 10 (tháng 10/2025), Bộ Giáo dục và Đào tạo kính đề nghị Chính phủ quan tâm.

Trên đây là Tờ trình chính sách của dự án Luật GDDH (sửa đổi). Bộ Giáo dục và Đào tạo xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Hồ sơ gửi kèm Tờ trình gồm: (1) Báo cáo đánh giá tác động chính sách của dự án Luật GDDH (sửa đổi); (2) Báo cáo tổng kết thi hành Luật GDDH; (3) Báo cáo rà

soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách của Luật GDĐH (sửa đổi); (4) Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách của dự án Luật GDĐH (sửa đổi)./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Lưu: VT, GDĐH.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Kim Sơn